

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2024/DS-PT

Ngày: 14/5/2024

Tranh chấp "Hợp đồng góp
hụi"

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ái Đoan

Các Thẩm phán: Bà Trương Thị Tuyết Linh

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Loan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thị Đào Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2024/TLPT-DS ngày 02 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn:

1. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1986 (Có mặt).

2. Anh Dương Khánh H, sinh năm 1978 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q trình bày: Chị Q là đầu thảo hụi, ngày 01/10/2021 âm lịch có khai dây hụi 10.000.000 đồng, gồm 25 phần, vợ chồng chị T và anh H có tham gia 02 phần, đã hốt hết 02 dây hụi, hiện hụi đã mãn vào ngày 01/9/2023 âm lịch, nhưng còn nợ lại 05 phần chưa đóng

với số tiền 100.000.000 đồng, chị Q đã choàng hui cho vợ chồng chị T và anh H nhưng đến nay chưa trả lại số tiền này cho chị Q.

Chị Q yêu cầu chị T và anh H có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hui 100.000.000 đồng, trả 01 lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T thừa nhận vợ chồng chị có tham gia dây hui 10.000.000 đồng khui ngày 01/10/2021 âm lịch do chị Q làm đầu thảo hui, hiện vợ chồng chị còn nợ chị Q 05 phần hui với số tiền 100.000.000 đồng chưa trả, hiện dây hui đã mẫn vào ngày 01/9/2023 âm lịch. Nay chị T cùng với anh H đồng ý trả cho chị Q số tiền hui 100.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả 01 lần.

Bị đơn anh Dương Khánh H đã được Toà án tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên toà nhưng không cung cấp ý kiến lời khai đối với vụ kiện và không có mặt tại phiên toà.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang áp dụng Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ hui, biêu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

Buộc chị Phạm Thị T và anh Dương Khánh H liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Q số tiền hui 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/02/2024, bị đơn Phạm Thị T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 29/01/2024 theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

oTại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị Phạm Thị T đồng ý trả cho chị Q số tiền hui là 100.000.000 đồng nhưng xin trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi

hết nợ. Chị Nguyễn Thị Q không đồng ý cho chị Phạm Thị T trả nợ dần. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật. Các đương sự cũng chấp hành theo đúng quy định của pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T: Chị T kháng cáo xin trả nợ dần nhưng không được phía chị Q đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị T, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Về xác định thẩm quyền và quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng góp hụi*” của Tòa án cấp sơ thẩm là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của chị Phạm Thị T trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và xét yêu cầu kháng cáo của chị Phạm T:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Q kiện yêu cầu bị đơn là chị Phạm Thị T và anh Dương Khánh H trả số tiền nợ hụi là 100.000.000 đồng. Bị đơn là chị Phạm Thị T thừa nhận tính đến ngày 02/12/2023 chồng chị là anh Dương Khánh H có nợ tiền hụi chị Q là 100.000.000 đồng, anh H tham gia hụi với tư cách cá nhân anh H. Chị T xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì hụi đã chốt lời. Bị đơn là anh Dương Khánh H đã được Tòa sơ thẩm tổng đạt hợp lệ nhưng anh H không có bản tự khai và cũng không tham gia tố tụng.

Tòa sơ thẩm xử buộc chị T và anh H trả cho chị Q tiền nợ hụi 100.000.000 đồng, chị T có đơn kháng cáo.

Nhận thấy, chị T thừa nhận chồng chị là anh H nợ tiền hụi của chị Q là 100.000.000 đồng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, có căn cứ xác định, anh H nợ tiền hụi chị Q số tiền hụi là 100.000.000 đồng.

Về trách nhiệm liên đới trả tiền hối của anh H và chị T, chị T tuy cho rằng nợ hối này là của anh H nhưng chị đồng ý liên đới cùng anh H trả và xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho chị Q, do đó có đủ căn cứ xác định là nợ chung của chị T và anh H.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa sơ thẩm xử buộc anh H và chị T trả cho chị Q số tiền hối 100.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật.

Chị T kháng cáo xin trả nợ dần mỗi tháng 3.000.000 đồng nhưng không được phía chị Q đồng ý nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm chị Phạm Thị T và anh Dương Khánh H chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 293, khoản 1 Điều 308, Điều 313, và khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Phạm Thị T.
- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2024/DS-ST ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 471, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228, 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ hối, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Q.

Buộc chị Phạm Thị T và anh Dương Khánh H liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Q số tiền hối 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự: Chị Phạm Thị T và anh Dương Khánh H phải chịu 5.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc theo biên lai thu số 0015004 ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như chị T đã nộp xong án phí phúc thẩm.

H1 lại bà Nguyễn Thị Q 2.542.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0014612 ngày 23/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ái Đoan